TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13- 11- 2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Anh

2. Ông Nguyễn Quang Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại hội trường xét xử TAND huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2018/TLST-HNGĐ ngày 12/11/2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Ngọc Th – Sinh năm: 1965

Nơi công tác: Phòng Trinh sát, Bộ Tham mưu, Binh chủng Đặc Công

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Th, Thành phố Hà Nội.

-*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh Th. Anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Về hôn nhân:

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2018, bản tự khai ngày 12/10/2018 cũng như tại phiên tòa anh Phạm Ngọc Th trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 1991, trước khi sống chung với nhau anh, chị có tìm hiểu và tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi lấy nhau anh là bộ đội, còn chị L ở nhà. Sau khi cưới anh trở về công tác tại đơn vị cũ, còn chị L ở nhà một thời gian thì xin vào làm tại Trạm khuyến nông huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc nhưng không có con chung. Do không có con chung nên đã làm cho tư tưởng của 2 vợ chồng bị dao động và sinh ra mâu thuẫn. Đến năm 2015 thì vợ chồng quyết định không sống cùng nhau nữa, anh ở luôn ngoài đơn vị, không còn về nhà với chị L nữa. Cũng từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, ai lo phận người đó. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

*Tại bản tự khai ngày 15/10/2018 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về thời gian và việc chung sống với nhau như anh Th khai là đúng. Chị thừa nhận có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung nên đã làm cho tình cảm của vợ chồng ngày càng căng thẳng. Từ 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, anh Th ở ngoài đơn vị không về thăm chị nữa và cũng từ đó đến nay ai lo phận người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu anh Th xin ly hôn thì chị cũng hoàn toàn nhất trí.

2.Về con chung: Vợ chồng thống nhất không có con chung.

3.Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, anh Phạm Ngọc Th không có mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm của mình theo đơn khởi kiện. Chị Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa và giữ

nguyên quan điểm của mình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân:

Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị L là hôn nhân bất hợp pháp. Bởi lẽ, theo như lời khai của anh, chị thì anh chị tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 (nhưng không đăng ký kết hôn).

Quá trình chung sống cả hai đều thừa nhận sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có con chung từ đó làm cho tư tưởng của 2 vợ chồng bị dao động và ảnh hưởng trực tiếp đến tình cảm của vợ chồng. Mâu thuẫn đó không những không thể cải thiện được mà ngày càng cưng thẳng hơn. Do đó từ năm 2015 vợ chồng sống ly thân nhau anh Th ở ngoài đơn vị và không về thăm chị L nữa, ai lo phận người đó. Nay cả anh Th và chị L đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên thống nhất đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Từ những căn cứ trên, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình, không công nhận anh Th và chị L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, anh Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi

hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Phạm Ngọc Th và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng.

- Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất không có con chung.

- Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Anh Phạm Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0005675 ngày 12/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; anh Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, vắng mặt anh Th tại phiên tòa. Tuyên bố chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án nơi anh công tác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hạnh